

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Lệ D** – sinh năm 1990

Nơi ĐKNKTT: Tổ 73, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

Hiện trú tại: Tổ 08, phường B, quận L, TP Đà Nẵng

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Quốc V** – sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 73, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Lệ D** – sinh năm 1990

Nơi ĐKNKTT: Tổ 73, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

Hiện trú tại: Tổ 08, phường B, quận L, TP Đà Nẵng

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Quốc V** – sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 73, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ D và ông Bùi Quốc V thuận tình ly hôn.

2.2 Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Lệ D và ông Bùi Quốc V xác nhận có 01 con chung và thống nhất thoả thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao bà Trần Thị Lệ D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Yên N – sinh ngày 25.11.2011, ông Bùi Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06 năm 2019 đến khi cháu Bùi Thị Yến N đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lệ D và ông Bùi Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Lệ D và ông Bùi Quốc V xác nhận không có.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Trần Thị Lệ D tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Lệ D đã nộp theo biên lai thu số 0006143 ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Lệ D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.6. Kể từ ngày bà Trần Thị Lệ D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Quốc V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương